Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa
Email: ubnd@khanhhoa.gov.vn
Ngày ký: 08.12.2020 10:26:35 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do -Hạnh phúc
Số: 12869/UBND-KT	*Khánh Hòa, ngày 07 tháng 12 năm 2020*
V/v báo cáo tình hình xây dựng triển khai Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP và EVFTA năm 2020	

Kính gửi: Sở Công Thương.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Công văn số 9193/BCT-ĐBngày 01/12/2020 về việc báo cáo tình hình xây dựng triển khai Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP và EVFTA năm 2020 (Báo cáo), UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao cho Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với và các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Công văn trên; gửi Báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ Công Thương và UBND tỉnh đúng thời gian quy định./.

(sao Bộ hồ sơ đính kèm)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hữu Hoàng

Nơi nhận:
-Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (B/C);
- Các Sở: KHĐT, TP, LĐTB&XH;
-Lưu VP-HB, HN.5
HN97(BCAOTH-EVFTA-BCT)

Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 01.12.2020 16:3

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 9193 /BCT-ĐB	*Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2020*

V/v báo cáo tình hình xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP và EVFTA năm 2020

UBND. TỈNH KHÁNH HÒA
ĐẾN Số: 6838
Ngày: 02/12
Chuyển:

Kính gửi: .....

Tại Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2020 về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo tình hình triển khai Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA của Cơ quan mình định kỳ hàng năm cho Bộ Công Thương để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Tại Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24 tháng 1 năm 2019 về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP của Cơ quan mình định kỳ hàng năm cho Bộ Công Thương để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương trân trọng đề nghị quý Cơ quan gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA và Hiệp định CPTPP trong năm 2020 của Cơ quan mình cho Bộ Công Thương theo mẫu văn bản gửi kèm ***trước ngày 15 tháng 12 năm 2020*** để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Thông tin liên hệ và bản mềm xin gửi về Bộ Công Thương, Vụ Chính sách thương mại đa biên, Phòng WTO và đàm phán phương mại; địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội (SĐT: 024.2220.5415/024.2220.2245; email: wto_mtpd@moit.gov.vn).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPCP (để p/h);
- Các Vụ: PC, AM, AP, KHCN, TTTN (để b/c);
- Các Cục: XNK, PVTM, CT, CN, XTTM (để b/c);
- Văn phòng Bộ (để b/c);
- VPBCĐLNKT (để b/c);
- Lưu: VT, ĐB (2).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Khánh

MẪU BÁO CÁO
VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP) VÀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU (EVFTA)

DÀNH CHO CÁC BỘ/NGÀNH

I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong kế hoạch triển khai Hiệp định CPTPP và EVFTA

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định CPTPP, EVFTA và thị trường của các nước tham gia Hiệp định CPTPP và thị trường các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU)

- Đã tổ chức được bao nhiêu buổi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn cho các đối tượng có liên quan về Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA trong lĩnh vực phụ trách. Kết quả từ các buổi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn đã tổ chức như thế nào;

- Tình hình hoạt động của Đầu mối thông tin về Hiệp định CPTPP (nếu đã thiết lập); Tình hình thiết lập Đầu mối thông tin về Hiệp định EVFTA (đã thiết lập chưa, cung cấp thông tin về Đầu mối được thiết lập);

- Trình bày các hoạt động nhằm củng cố mạng lưới, tăng cường năng lực và đẩy mạnh công tác cung cấp thông tin, dự báo về các thị trường xuất nhập khẩu, đặc biệt là các thị trường FTA mới như Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Pê-ru, thị trường các nước EU, thị trường trong nước (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện).

2. Công tác xây dựng pháp luật, thể chế

- Trình bày cụ thể kết quả của công tác rà soát pháp luật hiện hành để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ hay ban hành mới để thực thi Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện);

- Tình hình tổ chức áp dụng trực tiếp các cam kết được quy định trong Phụ lục 2 của Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định CPTPP và Phụ lục 2 của Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 8 tháng 6 năm 2020 cùng các văn kiện có liên quan (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện).

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn nhân lực

- Trình bày cụ thể công tác xây dựng các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng, doanh nghiệp, đặc biệt là các ngành hàng và

doanh nghiệp xuất khẩu đi các thị trường FTA mới như Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Pê-ru Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Pê-ru cũng như thị trường các nước EU (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện);

- Tình hình sử dụng hệ thống cảnh báo sớm trong lĩnh vực phòng vệ thương mại, xây dựng các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp với các quy định và cam kết quốc tế; hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam ứng phó với các vụ điều tra phòng vệ thương mại với hàng hóa Việt Nam từ các nước thành viên CPTPP và các nước thành viên EU (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện);

- Tình hình áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp với cam kết quốc tế để hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp, sản phẩm Việt Nam và bảo vệ người tiêu dùng (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện);

- Tình hình áp dụng ứng dụng khoa học, công nghệ, triển khai các biện pháp cải thiện, nâng cao năng suất lao động tại doanh nghiệp và các ngành sản xuất (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện);

- Tình hình triển khai các biện pháp, cơ chế khuyến khích, định hướng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp và nhà đầu tư đến từ các thị trường FTA mới như Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Pê-ru cũng như từ các nước thành viên EU kết nối với doanh nghiệp nội địa để hình thành và phát triển chuỗi cung ứng.

4. Chủ trương và chính sách đối với tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp

- Tình hình công tác hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ lao động, tiêu chuẩn lao động phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết, công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện);

- Các hoạt động đã triển khai để cải thiện việc chăm lo đời sống người lao động, bảo vệ lợi ích của người lao động cũng như nâng cao vai trò của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện).

5. Chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Tình hình xây dựng, ban hành và thực hiện các chính sách xã hội, bao gồm chính sách hỗ trợ về tài chính, dạy nghề để chuyển đổi nghề nghiệp, cung cấp các dịch vụ tư vấn việc làm...(nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện);

- Báo cáo công tác xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định, chính sách và chương trình bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện).

II. Đánh giá

1. Những khó khăn, vướng mắc và vấn đề còn tồn tại trong quá trình thực hiện Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA

Nêu rõ trong quá trình thực hiện từng nhóm nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP và Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA có những khó khăn, vướng mắc hay vấn đề còn tồn tại nào.

2.Nguyên nhân, lý do của các vấn đề tồn tại

Trình bày rõ nguyên nhân, lý do của từng khó khăn, vướng mắc và vấn đề tồn tại trong từng Nhóm nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP và Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA.

III. Kiến nghị

1. Kiến nghị để giải quyết các khó khăn, vướng mắc và vấn đề tồn tại

2. Kiến nghị khác

MẪU BÁO CÁO
VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP) VÀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU (EVFTA)

DÀNH CHO CÁC TỈNH/THÀNH

I. KẾT QUẢ CHUNG

1. Kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu với các nước thành viên CPTPP và thành viên Liên minh châu Âu (EU)

- Tổng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu (tăng hay giảm so với một năm trước đó);
- Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng cụ thể;
- Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng theo các thị trường thành viên CPTPP và thành viên EU;
- Tỷ trọng của doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp trong nước trong kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu;
- Số lượng doanh nghiệp xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP và thành viên EU, số lượng doanh nghiệp nhập khẩu từ các nước là thành viên CPTPP và thành viên EU.

2. Kết quả hoạt động thu hút đầu tư

- Tổng vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp nước ngoài, vốn đầu tư từ các nhà đầu tư CPTPP và EU là bao nhiêu, bao gồm: vốn đầu tư chung và vốn đầu tư từ các nước CPTPP và EU (tăng hay giảm so với một năm trước đó);

- Vốn đầu tư vào các lĩnh vực cụ thể, bao gồm: vốn đầu tư chung và vốn đầu tư từ các nước CPTPP và EU (tăng hay giảm so với một năm trước đó).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC NÊU TRONG KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HIỆP ĐỊNH CPTPP VÀ HIỆP ĐỊNH EVFTA

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và thị trường của các nước tham gia Hiệp định CPTPP và các nước thành viên EU

- Đã tổ chức được bao nhiêu buổi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn cho các đối tượng có liên quan về Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA. Kết quả từ các buổi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn đã tổ chức như thế nào;

- Tình hình hoạt động của Đầu mối thông tin về Hiệp định CPTPP (nếu đã thiết lập); Tình hình thiết lập Đầu mối thông tin về Hiệp định EVFTA (đã thiết lập chưa, cung cấp thông tin về Đầu mối được thiết lập);

- Trình bày các hoạt động nhằm củng cố mạng lưới, tăng cường năng lực và đẩy mạnh công tác cung cấp thông tin, dự báo về các thị trường xuất nhập khẩu, đặc biệt là các thị trường FTA mới như Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Pê-ru, thị trường các nước EU, thị trường trong nước (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện).

2. Công tác xây dựng pháp luật, thể chế

- Trình bày cụ thể kết quả của công tác rà soát pháp luật hiện hành ở cấp địa phương để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ hay ban hành mới để thực thi Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA và tương thích với các văn bản pháp luật ở cấp trung ương (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện);

- Tình hình tổ chức áp dụng trực tiếp các cam kết được quy định trong Phụ lục 2 của Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định CPTPP và Phụ lục 2 của Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 8 tháng 6 năm 2020 cùng các văn kiện có liên quan (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện).

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn nhân lực

- Trình bày cụ thể công tác xây dựng các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng, doanh nghiệp, đặc biệt là các ngành hàng và doanh nghiệp xuất khẩu đi các thị trường FTA mới như Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Pê-ru Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Pê-ru cũng như thị trường các nước EU (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện);

- Tình hình áp dụng ứng dụng khoa học, công nghệ, triển khai các biện pháp cải thiện, nâng cao năng suất lao động tại doanh nghiệp và các ngành sản xuất (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện);

- Tình hình triển khai các biện pháp, cơ chế khuyến khích, định hướng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp và nhà đầu tư đến từ các thị trường FTA mới như Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Pê-ru cũng như từ các nước thành viên EU kết nối với doanh nghiệp nội địa để hình thành và phát triển chuỗi cung ứng.

4. Chủ trương và chính sách đối với tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp

Các hoạt động đã triển khai để cải thiện việc chăm lo đời sống người lao động, bảo vệ lợi ích của người lao động (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện).

5. Chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Tình hình xây dựng, ban hành và thực hiện các chính sách xã hội, bao gồm chính sách hỗ trợ về tài chính, dạy nghề để chuyển đổi nghề nghiệp, cung cấp các dịch vụ tư vấn việc làm...(nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện);

- Báo cáo công tác xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định, chính sách và chương trình bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững (nếu có được nêu trong Kế hoạch thực hiện).

II. Đánh giá

1. Những khó khăn, vướng mắc và vấn đề còn tồn tại trong quá trình thực hiện Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA

Nêu rõ trong quá trình thực hiện từng nhóm nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA có những khó khăn, vướng mắc hay vấn đề còn tồn tại nào.

2. Nguyên nhân, lý do của các vấn đề tồn tại

Trình bày rõ nguyên nhân, lý do của từng khó khăn, vướng mắc và vấn đề tồn tại trong từng Nhóm nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA.

III. Kiến nghị

1. Kiến nghị để giải quyết các khó khăn, vướng mắc và vấn đề tồn tại

2. Kiến nghị khác

Ủy ban nhân dân các tỉnh Thành phố, Trực thuộc trung ương

STT	TỈNH THÀNH	STT	TỈNH THÀNH
1	An Giang	33	Kon Tum
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	34	Lai Châu
3	Bắc Giang	35	Lâm Đồng
4	Bắc Kạn	36	Lạng Sơn
5	Bạc Liêu	37	Lào Cai
6	Bắc Ninh	38	Long An
7	Bến Tre	39	Nam Định
8	Bình Định	40	Nghệ An
9	Bình Dương	41	Ninh Bình
10	Bình Phước	42	Ninh Thuận
11	Bình Thuận	43	Phú Thọ
12	Cà Mau	44	Phú Yên
13	Cần Thơ	45	Quảng Bình
14	Cao Bằng	46	Quảng Nam
15	Đà Nẵng	47	Quảng Ngãi
16	Đắk Lắk	48	Quảng Ninh
17	Đắk Nông	49	Quảng Trị
18	Điện Biên	50	Sóc Trăng
19	Đồng Nai	51	Sơn La
20	Đồng Tháp	52	Tây Ninh
21	Gia Lai	53	Thái Bình
22	Hà Giang	54	Thái Nguyên
23	Hà Nam	55	Thanh Hóa
24	Hà Nội	56	Thừa Thiên Huế
25	Hà Tĩnh	57	Tiền Giang
26	Hải Dương	58	TP Hồ Chí Minh
27	Hải Phòng	59	Trà Vinh
28	Hậu Giang	60	Tuyên Quang
29	Hòa Bình	61	Vĩnh Long
30	Hưng Yên	62	Vĩnh Phúc
31	Khánh Hòa	63	Yên Bái
32	Kiên Giang		

STT	Danh sách các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
1	Bộ Quốc Phòng
2	Bộ Công An
3	Bộ Nội Vụ
4	Bộ Tài chính
5	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Bộ Y tế
7	Bộ Giáo dục và Đào tạo
8	Bộ Tài nguyên và Môi trường
9	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10	Bộ Khoa học và Công nghệ
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
12	Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội
13	Bộ Tư pháp
14	Bộ Ngoại giao
15	Bộ Xây dựng
16	Bộ Giao thông vận tải
17	Bộ Thông tin và Truyền thông
18	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
19	Đài Tiếng nói Việt Nam
20	Đài Truyền hình Việt Nam
21	Thông tấn xã Việt Nam
22	Ủy ban dân tộc
23	Ủy ban Quản lí Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp
24	Thanh tra Chính phủ
25	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
26	Bảo hiểm xã hội Việt Nam